

THƠ VĂN LÝ - TRẦN

TẬP II

QUYỀN THƯỢNG

DỊCH THƠ :

ĐÀO DUY ANH* — HOA BĂNG* — ĐÀO PHƯƠNG BÌNH*
ĐINH VĂN CHẤP* — ĐÔNG CHÂU* — PHẠM TỬ CHÂU
NGUYỄN ĐỒNG CHI* — HUỆ CHI — PHAN ĐẠI ĐOÀN
KHƯƠNG HỮU DỤNG — TRẦN VĂN GIÁP* — CAO HUY GIU*
KIỀU THU HOẠCH — CAO XUÂN HUY* — ĐỖ VĂN HỸ
ĐINH GIA KHÁNH — TRẦN TRỌNG KIM* — NGUYỄN VĂN LĂNG
LÊ TỬ LÀNH — HOANG LÊ — NGUYỄN LỢI* — TUẤN NGHI
BÙI VĂN NGUYỄN — LÊ HỮU NHIỆM — NGUYỄN NGỌC SAN
HẢI THẠCH — BĂNG THANH — TRÚC THIÊN — HOANG TRUNG
THÔNG — NGUYỄN CẨM THÚY — NAM TRẦN* — NGÔ TẤT TỐ*
ĐỒ NAM TỬ* — TRẦN LÊ VĂN — NGUYỄN ĐỨC VĂN* — PHAN VÔ*

LẬP BẢNG TRA CỨU :

PHẠM NGỌC LAN — ĐẶNG THỊ HẢO — VŨ THANH

ĐỌC DUYỆT :

ĐẶNG THAI MAI* — CAO XUÂN HUY*

VIẾT CHỮ HÁN :

Thượng toạ THÍCH ĐỨC NGHIỆP

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN VĂN HỌC

THƠ VĂN LÝ-TRẦN

TẬP II
QUYỀN THƯỢNG

Soạn thảo :

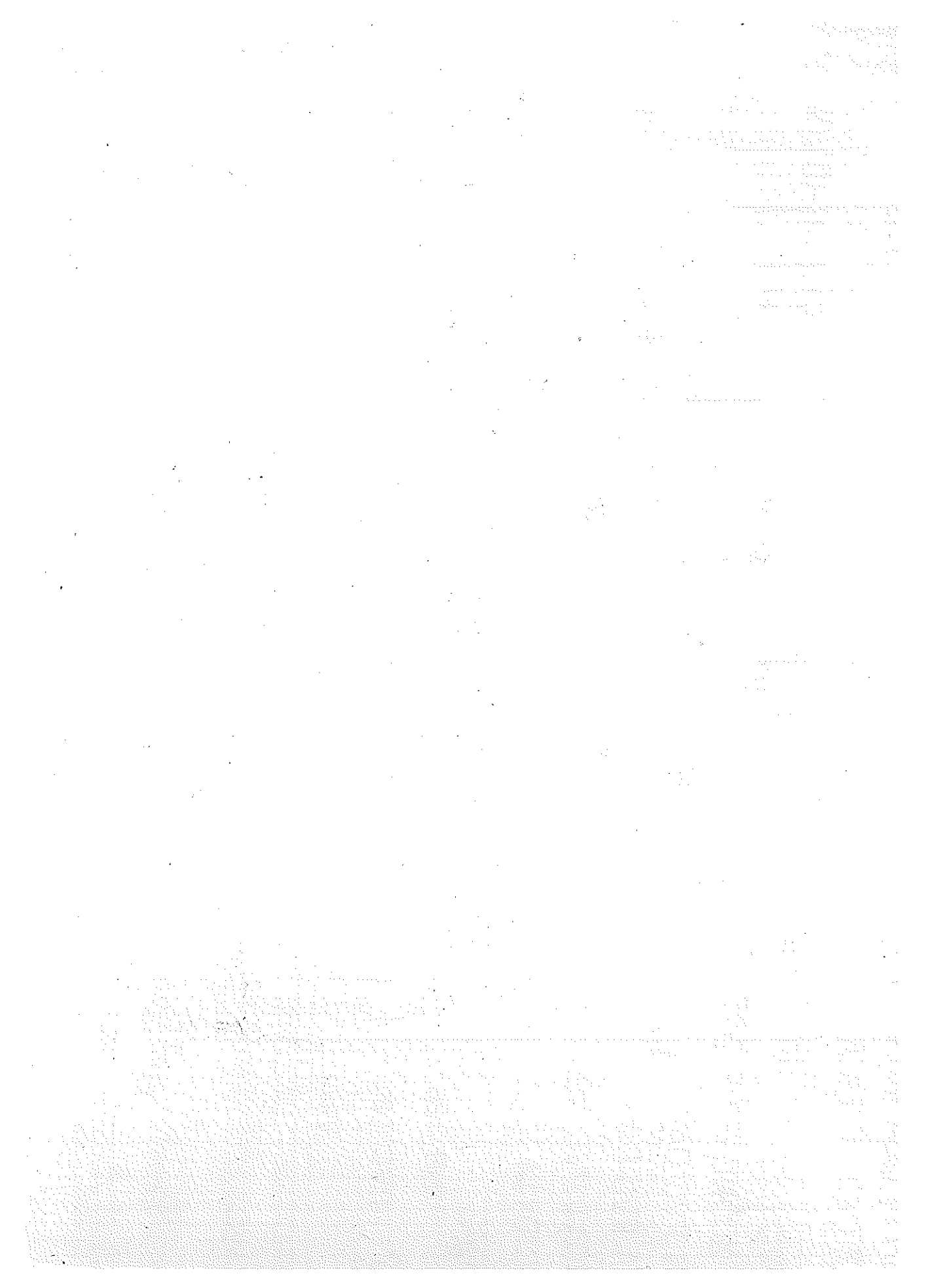
NGUYỄN HUỆ CHI — ĐỖ VĂN HỸ
TRẦN THỊ BĂNG THANH — PHẠM TÚ CHÂU

Chủ biên :

NGUYỄN HUỆ CHI



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1988



LỜI NÓI ĐẦU

TẬP II *Thơ văn Lý - Trần* là phần quan trọng trong toàn bộ ba tập *Thơ văn Lý - Trần*, công trình nghiên cứu quy mô của Viện văn học từ nhiều năm nay, nhằm khai thác toàn diện di sản thành văn của văn hóa dân tộc trong năm thế kỷ: X - XIV, cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn đầy đủ, thấu triệt, và dứt điểm, về chặng đường đầu tiên, có ý nghĩa xây nền đắp móng của văn học viết Việt Nam, và qua đây mà góp phần tìm hiểu những cội nguồn văn hóa khác nhau đã tạo nên bản sắc chủ yếu, vững bền, cũng như các hình thái phát triển đặc trưng của văn học Việt Nam trong trường kỳ lịch sử.

Ngay từ sau khi công bố tập I (1977) và tập III (1978), theo yêu cầu của bạn đọc rộng rãi, Viện văn học đã nghĩ đến việc triển khai tiếp tập II, và trong kế hoạch dài hạn của Viện vạch ra vào đầu những năm 80, đây là một trong những đề tài trọng điểm. Mặc dù vậy, cũng do phải đáp ứng nhiều yêu cầu cấp bách của đời sống học thuật trong vòng mười năm trở lại, mà nổi bật là Hội nghị khoa học quốc tế kỷ niệm lần thứ 600 năm sinh Nguyễn Trãi (1980), các hoạt động khoa học kỷ niệm các danh nhân văn hóa lớn như Nguyễn Đình Chiểu, Lê Quý Đôn, Nguyễn Thông, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Bình Khiêm... và việc tổng kết một cách khoa học tiến trình vận động của dòng văn học yêu nước truyền thống chống phong kiến phương Bắc xâm lược trong lịch sử, nên đến năm 1983, Ban văn học cổ cận đại của Viện, mới có thể chính thức xúc tiến công việc soạn thảo của mình. Mặt khác, từ chiều dày của công trình mà xét, cũng phải nhận rằng, khối lượng tài liệu cần chiếm lĩnh ở tập II, kể cả tài liệu gốc cũng như tài liệu hỗ trợ, bắt buộc phải dùng để soi sáng cho toàn bộ công việc nghiên cứu, dịch thuật, và chú giải, thật quá đồ sộ. Sau ngày đất nước thống nhất, một số tài liệu quý lại có điều kiện để tiếp tục phát hiện, như cuốn *Thiền tông bản hạnh* khác in năm 1745, được Giáo sư Hoàng Xuân Hãn công bố cuối năm 1978, hoặc một số tài liệu từng được dịch rải rác ở miền Nam trước năm 1975 mà trong thời gian chống Mỹ cứu nước các soạn giả chưa có dịp đọc... Những tài liệu này cũng không thể không bổ sung kịp thời hoặc xem xét, so chiếu lại. Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là tình hình phong phú, nhiều về của văn học thời kỳ này: phong phú trong nội dung và trong phương thức biểu hiện nội dung ấy; phong phú về dòng phái, về thể loại, và cả những biến thái về đặc trưng thẩm mỹ giữa các tác gia trong cùng một dòng phái, hoặc giữa các tác phẩm cùng thể loại, trên những chặng đường lịch sử có nhiều biến động khác nhau, đặc biệt là sự hỗn dung của ba hệ thống giáo lý phương Đông: Phật, Nho và Đạo, không thời kỳ nào rõ rệt bằng thời kỳ này trong sinh hoạt tư tưởng, tinh thần của quốc gia Đại Việt, đã in những dấu ấn đậm nét vào thơ văn, khiến

các soạn giả phải dành nhiều thì giờ và tâm huyết giải quyết nhiều vấn đề không kèm phức tạp. Chẳng hạn qua việc phân định các trào lưu, dòng phái, phương thức nghệ thuật, riêng biệt mà nắm bắt chính xác hơn sức sống cũng như nội dung phản ánh của tác phẩm, từ đó định vị tác phẩm, cũng như qua việc tiếp cận các hệ thống triết thuyết phức tạp mà làm sáng tỏ cái lõi ý nghĩa đích thực của các sáng tác văn học Lý — Trần.

Chính vì những lý do như thế, nên sau khi thâm nhập tài liệu, đề có thể giải quyết từng bước công việc một cách dứt điểm, tập II *Thơ văn Lý — Trần* được nhất trí chia thành 2 quyển :

QUYỂN THƯỢNG : bao gồm sáng tác của hết thảy các tác giả đã sống trong vòng hơn một thế kỷ, kể từ nhà Trần lên ngôi (1226) cho đến khoảng đầu đời Trần Du Tông (1311).

QUYỂN HẠ : bao gồm các tác phẩm cũng xuất hiện trong thời gian đó, nhưng có kết cấu tương đối độc lập, không có tên tác giả, hoặc có tên tác giả thì cũng không sáng được gì nhiều cho sáng tác (*Viết điện u linh tập*), và phần lớn không xác định được thời điểm xuất hiện, như các cuốn *Tam tổ thực lục*, *Thiền nguyên tập ảnh*, *Thành dưng ngữ lục*, các bài thi trong các khoa thi tam giáo... Cũng được xếp vào quyển hạ này là toàn bộ thơ ca còn lại của Nguyễn Trung Ngạn mà ngay từ thế kỷ XVIII đã được Phan Huy Ôn soạn thành một tập thơ riêng dưới cái tên vốn có từ trước : *Giới Hiền thi tập*, và cả những tác giả vì lý do này hay lý do khác xếp xuống *Phụ lục* theo quy định chung của bộ sách.

Sau hơn ba năm bắt tay soạn thảo, đến nay công việc của *Quyển thượng* đã hoàn thành. Về cơ bản, tập sách vẫn giữ lại những quy tắc và phương pháp biên soạn như đã trình bày trong tập I. Tuy vậy, nhiều chỗ cũng có những bổ sung, cải tiến nhất định, dựa trên ý kiến đóng góp nhiệt tình của bạn đọc trong nước và ngoài nước. Đặc biệt, như mục tiêu vạch ra từ đầu sách, những cải tiến trong tập II này sẽ cố gắng làm sao lựa chọn được đến mức tối đa các sáng tác văn học còn lại của cha ông ta trong 5 thế kỷ đầu xây dựng nền văn học viết, trừ một vài tác phẩm cá biệt nào đấy, đồng thời cũng cố gắng để không xáo trộn tùy tiện tình trạng văn bản đã có, nếu như chưa thể làm cho tốt hơn.

Công việc biên soạn *Quyển thượng*, tập II này vẫn do các soạn giả của tập I đảm nhiệm, chủ yếu là bốn đồng chí trong Ban văn học cổ cận đại của Viện : Giáo sư NGUYỄN HUỆ CHI (Chủ biên), Giáo sư ĐỖ VĂN HỸ, TRẦN THỊ BẢNG THANH, PHẠM TỬ CHÂU. Đồng chí NGUYỄN HUỆ CHI chịu trách nhiệm chung các khâu, từ việc vạch đề cương chi tiết, xây dựng quy tắc và phương pháp soạn thảo, đến việc chỉ đạo, biên soạn, và chỉnh lý lại toàn bộ bản thảo. Các đồng chí khác chịu trách nhiệm từng phần bản thảo cụ thể, đồng thời cũng góp phần chung vào việc khảo định, chú thích, là những việc phải giải quyết một cách hệ thống và khoa học, và cùng nhau rà soát lần cuối cùng khi bản thảo đã hoàn tất. Các bảng tra cứu cuối sách do ba đồng chí PHẠM NGỌC LAN, BẢNG THỊ HẢO và VŨ THANH, trong Ban văn học cổ cận đại thực hiện.

Cũng như đối với các tập I và III, ở quyển này, tập thể soạn giả vẫn tích cực kế thừa các bản tuyền dịch thơ văn Lý — Trần do các nhà Hán học, nhà nghiên cứu, nhà thơ, như ĐÌNH VĂN CHẤP*, NGÔ TẤT TỐ*, NGUYỄN ĐỒNG CHI*, NGUYỄN HỮU TIẾN*, NGUYỄN LỢI*, NGUYỄN TRỌNG THUẬT*... đã làm từ trước Cách mạng, cũng như hai cụ NGUYỄN ĐỨC VÂN* và ĐÀO PHƯƠNG BÌNH* làm vài chục năm nay. Và trong quá trình biên soạn, ở mọi khâu công việc lớn hay nhỏ, đều có sự giúp đỡ, công tác mật thiết của các cụ, các đồng chí Trần Lê Văn, Đào Duy Anh*, Lê Tư Lành, Khương Hữu Dụng, Trần Nghĩa, Nguyễn Cẩm Thủy, Tào Trang, Phan Đại Doãn, Lê Hữu Nhiệm, Nguyễn Văn Lăng, Hoàng Lê, Ngô Thế Long, Nguyễn Văn Phát... Xin ghi nhận ở đây tình cảm biết ơn chân thành của tập thể soạn giả và của Viện chúng tôi.

Do tình hình công việc phải triển khai trong nhiều năm, nên trong khi tập II đang tiến hành dở dang thì hai người duyệt là các Giáo sư Đặng Thai Mai và Cao Xuân Huy đều lần lượt tạ thế. Đó là một tổn thất lớn. Tuy vậy, hai Giáo sư cũng đã kịp đọc một phần khá lớn bản thảo và có ý kiến chi tiết với các soạn giả. Sau khi sách hoàn thành, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam đã thành lập một Hội đồng nghiệm thu, gồm 13 đồng chí, do hai Giáo sư Vũ Khiêu và Hoàng Trinh trực tiếp chỉ đạo, trong đó có các nhà Hán học Trần Lê Văn, Hoàng Trung Thông, các Giáo sư, các nhà nghiên cứu Nguyễn Tài Cần, Vũ Đức Phúc, Đặng Đức Siêu, Phan Văn Các, Phạm Hyu, Nguyễn Vinh Phúc, Nguyễn Văn Hoàn... làm thành viên giám định.

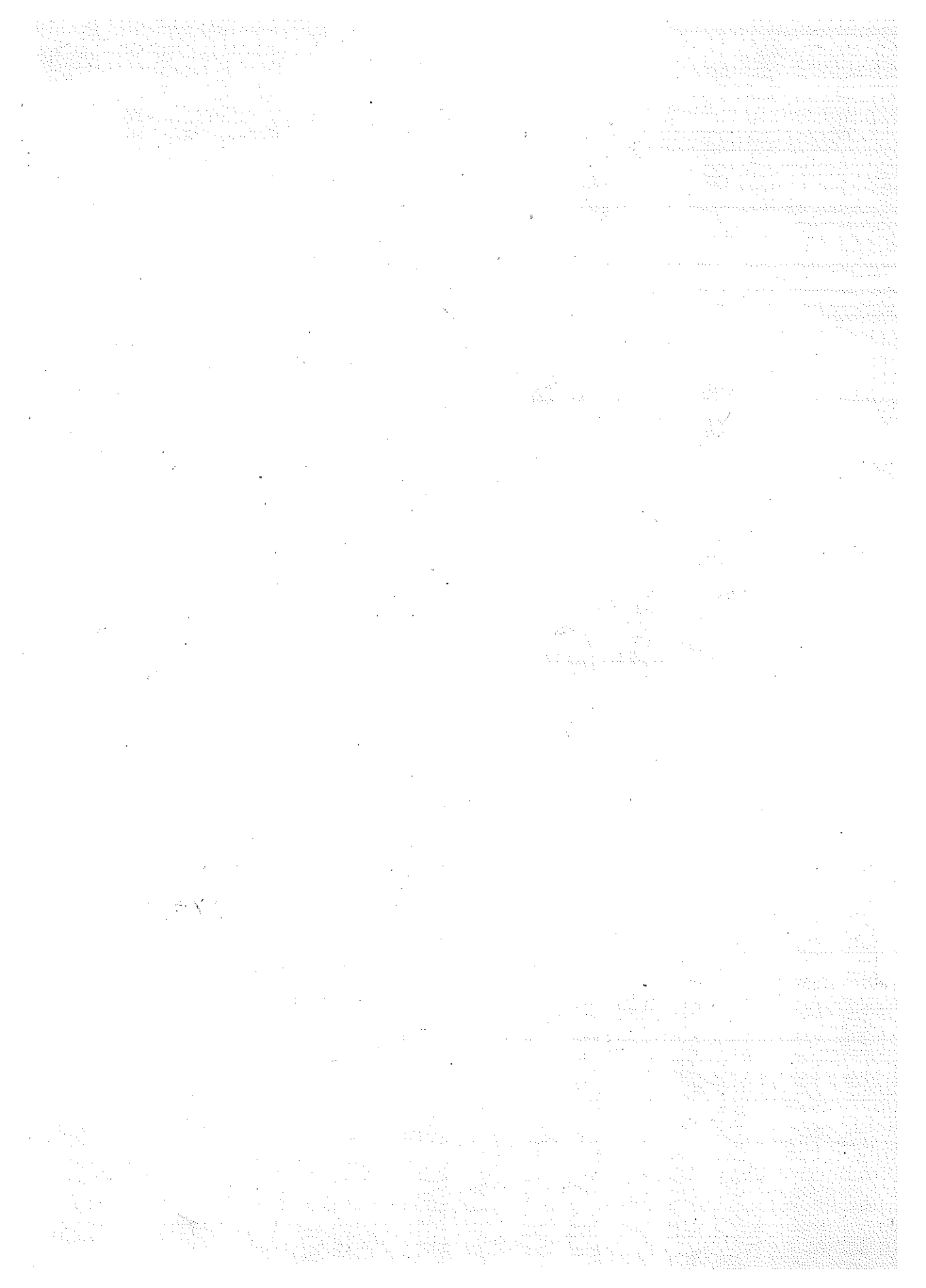
Cuối cùng xin cho phép Viện chúng tôi nhắc đến ở đây sự quan tâm đặc biệt của Nhà xuất bản Khoa học xã hội đối với cuốn sách, từ việc theo dõi sát bản thảo đến việc cố gắng giữ nguyên hình thức ấn loát xen kẽ Việt — Hán vốn đã đạt được trong các tập trước, để bộ sách giữ được một diện mạo thống nhất, và giúp cho người nghiên cứu một công cụ làm việc tối ưu.

Chân thành mong mỗi sự góp ý của bạn đọc xa gần.

Hà-nội, ngày 16 tháng Năm năm 1986

VIỆN VĂN HỌC

* Đều đã quá cố.



QUY CÁCH BIÊN SOẠN

1. Bộ sách này gồm có 3 tập ; các tập tiếp nối theo trình tự lịch sử :

— *Tập I* : từ chiến thắng của Ngô Quyền (938) đến hết Nhà Lý (1225).

— *Tập II* : từ mở đầu nhà Trần (1226) đến khoảng những năm đầu đời Trần Dụ Tông (1341).

— *Tập III* : từ đầu đời Trần Dụ Tông đến sát trước khởi nghĩa Lam sơn (1418).

Đối với những tác giả sống trong khoảng giao thời giữa ba tập thì căn cứ vào quãng đời chủ yếu của họ, hoặc tính chất thơ văn của họ, mà xếp vào tập này hoặc tập khác. Thậm chí có tác giả như Hồ Nguyên Trừng sau kháng Minh thắng lợi khá lâu mới sáng tác *Nam Ông mộng lục*, nhưng rõ ràng đó là tác giả thuộc giai đoạn Trần—Hồ, chứ không thuộc giai đoạn Lê sơ, nên vẫn chọn vào tập III.

Trong mỗi tập, trật tự tác giả sắp xếp theo năm sinh, hoặc năm mất. Với những tác giả không rõ cả năm sinh và năm mất thì dựa vào một trong ba căn cứ :

a) Quan hệ giữa tác giả đó với những tác giả khác.

b) Những chi tiết trong tiểu sử tác giả có khả năng phản ánh thời điểm lịch sử.

c) Thời điểm của tác phẩm (các tác giả khuyết danh đều dùng căn cứ này).

Một số tác giả không có cả ba điều kiện trên, cũng như một số tác giả phản diện có lựa chọn vào đây đều để xuống cuối mỗi tập.

2. Về việc sắp xếp tác phẩm của từng tác giả, thông thường theo trật tự thời gian là hợp lý nhất. Nhưng phần lớn sáng tác của cha ông ta đều không đề ngày tháng. Mặt khác, toàn bộ nguyên cáo của chính thời đại Lý—Trần cũng đã mất, nên không rõ cách sắp xếp ban đầu như thế nào. Về sau, các bộ hợp tuyển từ thế kỷ XV trở đi đều nhất loạt sắp xếp theo thể loại, nên có lẽ đã đảo lộn hậu hết trật tự cũ. Vì vậy, việc sắp xếp thỏa đáng khối lượng thơ văn Lý—Trần hiện còn đòi hỏi nhiều công phu tìm tòi, nghiên cứu. Trước mắt, để phản ánh một ít cố gắng bước đầu, xin tạm quy định hai cách sắp xếp :

a) Những tác giả mà tất cả tác phẩm đã biết rõ thời điểm thì sắp xếp theo trật tự thời gian. Có những tác giả chuyên binh sử bằng văn hay thơ thì trật tự thời gian trong sử cũng là trật tự sắp xếp tác phẩm.

b) Những tác giả chỉ có một phần tác phẩm biết rõ thời điểm sáng tác, hoặc không có tác phẩm nào biết rõ thời điểm, thì sắp xếp theo trật tự thể loại : *ngũ ngôn tuyệt ; thất ngôn tuyệt ; ngũ ngôn bát cú ; thất ngôn bát cú ; cổ phong ; câu đối ; biến văn ; tản văn ; văn bia ; ngũ lục*. Đối với mỗi bài, trình bày lần lượt từ chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, khảo đính, chú thích.

3. Về tiêu sử tác giả, nói chung, chú ý ghi chép ngắn gọn, nhưng vẫn bảo đảm đủ lượng thông tin và sự đánh giá tối cần thiết của một công trình nghiên cứu. Trên đề mục lớn, ghi tên thật và năm sinh, năm mất, nếu có. Đối với những tác giả có cả tên thật và tên quen dùng, như vương hiệu của vua, tước của các quan, hay pháp hiệu của nhà sư, thì ghi lên đề mục cả hai tên. Nhưng để nhấn mạnh vị trí của họ là nhà văn, nhà thơ, chứ không phải ông vua hay nhà tu hành, nên tên thật in chữ lớn và đặt trên vương hiệu hay pháp hiệu, mặc dù vương hiệu hay pháp hiệu có thể quen thuộc hơn. Ví dụ: *Trần Cảnh* xếp trên *Trần Thái Tông*; *Lý Đạo Tái* xếp trên *Huyền Quang*.

Quê quán tác giả, ghi theo địa danh quen thuộc trong thời đại tác giả (trường hợp nào biết rõ địa danh đã thay đổi hiện nay sẽ chú thích thêm). Đối với những giai đoạn lịch sử mà nhà nước phong kiến thay đổi địa danh nhiều lần, thì thống nhất dùng một địa danh tương đối quen thuộc, hoặc tồn tại tương đối lâu trong giai đoạn đó.

Đề bạn đọc tiện theo dõi, dưới mỗi tiêu sử tác giả ghi rõ số lượng tác phẩm hiện còn, và ghi đủ tên những tác phẩm đã mất còn biết được.

4. Các tác phẩm được lựa chọn vào sách đều có ghi xuất xứ ở đầu mục *Chú thích*. Mỗi bài văn, bài thơ có thể có một hoặc nhiều xuất xứ. Trường hợp có nhiều xuất xứ thì chỉ ghi những xuất xứ sớm nhất và đáng tin cậy. Nếu tác phẩm cần khảo đính nhiều bản thì xuất xứ cũng chính là *Các dị bản* hoặc *Văn bản khảo đính*, ghi ở đầu mục *Khảo đính*.

Nhiều bài thơ bài văn trong các bộ sách cổ vốn không có đầu đề. Khi lựa chọn vào đây đều cố gắng thêm đầu đề cho chúng. Nếu Lê Quý Đôn hoặc Bùi Huy Bích đã thêm rồi thì mượn lại những đầu đề ấy. Trường hợp chưa có ai thêm, sẽ dựa vào nội dung mà đặt tên, hoặc lựa chọn một số chữ vốn có trong tác phẩm làm tên. Ví dụ: *Thiền uyển tập anh* có chép một bài kệ của sư Minh Tri (đời Lý). Bài kệ không có tên gọi nhưng câu thơ cuối bài là *Không không tâm hưởng thanh*. Hai chữ *Tâm hưởng* sẽ trở thành đầu đề bài đó trong bộ sách này.

Một số rất lớn tác phẩm Lý—Trần là loại văn nói, không do tác giả trực tiếp viết ra mà do học trò, hoặc người sau ghi lại. Những tác phẩm như vậy đều xếp vào cho người nói, không xếp cho người ghi. Trong tự trường hợp trên đây, có những đoạn văn nói, khá hoàn chỉnh, đã thông dụng trong nhiều bộ sử từ sớm, thì cũng có thể lựa chọn. Ngoài ra, đôi chỗ còn chọn thêm một ít đoạn đối thoại có liên quan mật thiết đến tư tưởng, tình cảm của một số tác giả; những đoạn đối thoại này cũng rút từ trong sử cũ và đều được xếp xuống cuối cùng phần tác phẩm của từng tác giả, xem như một phần *Phụ lục*.

Toàn bộ khối lượng tác phẩm trong mỗi một tập được đánh số thứ tự liên tục và thống nhất từ đầu đến cuối, kể cả những tác phẩm phụ lục.